

Bản án số: 88/2026/DS-ST
Ngày: 29-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Lệ Nga.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 744/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Thi N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984; Địa chỉ: Khóm A, phường A, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn theo ủy quyền là ông Hồ Thanh H, sinh ngày 09/12/2025. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Văn bản ủy quyền ngày 21/11/2025.); Có mặt.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Trần Hạnh P, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt;

2.2. Bà Phan Thị Hồng L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khóm C, phường H, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Thi N (Do ông Hồ Thanh H đại diện), trình bày: Vào ngày 24/02/2025, vợ chồng ông P, bà L có vay của ông N số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, có làm biên nhận, lãi suất 700.000đ/ngày. Ngày 01/4/2025, bà L vay thêm 15.000.000 đồng, trong đó 5.000.000 đồng chuyển khoản cho ông P, 10.000.000 đồng đưa tiền mặt, không có biên nhận, không ai chứng kiến. Phần 5.000.000 đồng không thỏa thuận lãi suất. Phần 10.000.000 đồng, gộp với phần 150.000.000 đồng, vẫn tính lãi suất 700.000đ/ngày. Vợ chồng ông P đóng lãi được 28.000.000 đồng thì không đóng lãi nữa. Nay, ông N yêu cầu ông P, bà L liên đới trả cho ông số tiền vay còn nợ gốc 165.000.000 đồng, lãi 19.173.000 đồng (tạm tính từ ngày 01/4/2025 đến ngày 01/11/2025), tổng cộng gốc lãi 184.173.000 đồng và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 02/11/2025 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Tại phiên tòa, ông Hồ Thanh H thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu trả số tiền vay thêm 15.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng và lãi. Thống nhất tính tiền lãi lại theo quy định pháp luật: 1 tháng tiền lãi là 2.490.000 đồng, số tiền lãi nhận thừa 28.000.000 đồng, trừ lại còn 25.510.000 đồng, trừ vào vốn gốc 150.000.000 đồng, còn lại vốn gốc 124.490.000 đồng, tính lãi tiếp 13 tháng x 1,66%/tháng, tính tròn là 26.864.000 đồng, tổng cộng gốc lãi ông N yêu cầu ông P, bà L liên đới trả là 151.354.000 đồng.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố; nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS.

[3] Tòa án đã thông báo cho ông P và bà L là bị đơn các thông báo thụ lý, hòa giải, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông P và bà L không có văn bản ghi

ý kiến gửi cho Tòa án cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn là ông N đưa ra nên ông N không phải chứng minh các chứng cứ đã xuất trình cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 của BLTTDS.

[4] Tại phiên tòa, ông H đại diện ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông P và bà L trả số tiền vay gốc còn nợ 150.000.000 đồng và tiền lãi điều chỉnh lại theo quy định pháp luật là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của BLTTDS.

[5] Xét việc ông N yêu cầu ông P và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số tiền vay còn nợ gốc 124.490.000 đồng và lãi 26.864.000 đồng, tổng cộng 151.354.000 đồng, là có căn cứ để chấp nhận, vì: Ông P và bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự: “*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”. Lãi suất mà ông H đại diện ông N yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào các Điều 144 và 147 BLTTDS, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông P và bà L phải liên đới chịu 7.567.000 đồng. Ông N không phải chịu án phí, được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 92, 93, 95, 144, 147, 227, 228 và 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Thi N do ông Hồ Thanh H đại diện.

Buộc ông Trần Hạnh P và bà Phan Thị Hồng L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Thi N số tiền vay còn nợ 151.354.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu) đồng (Trong đó, nợ gốc 124.490.000 đồng và lãi 26.864.000 đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi

hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc ông Trần Hạnh P và bà Phan Thị Hồng L liên đới chịu 7.567.000 (Bảy triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

3.2. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Thi N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.604.000 đồng theo Biên lai số 0008346 ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29 tháng 4 năm 2026); đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú